

Parametry tratí

Kategorie:	Délka:	Převýšení:	Počet kontrol:
HDR	1,9	40	7
DH10S	1,9	40	7
D10C	1,8	45	8
D12C	2,2	55	9
D14C	2,9	80	13
D16C	3,2	90	14
D18C	3,3	110	16
D21C	4,1	120	16
D35C	3,6	110	16
D45C	3,5	90	15
D55C	3,1	70	15
D65C	2,4	60	12
H10C	1,8	45	8
H12C	2,6	60	11
H14C	2,9	85	14
H16C	3,3	110	16
H18C	4,8	135	21
H21C	5,5	180	24
H35C	5	160	22
H45C	4,7	140	21
H55C	4	90	15
H65C	3,1	70	15
H75C	2,4	60	12
OPEN	3	70	15